



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(VILAS 395 – VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 - Email: cembacgiang@gmail.com

Số: 576/2025/PKQ

VILAS 395

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH MẪU

Tên mẫu	Nước thải (NT)
Tên cơ sở/Khách hàng	Công ty Nhiệt điện Sơn Động – TKV Địa chỉ: Tổ dân phố Đồng Rì, thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.
Vị trí lấy mẫu	NT ₀₅ : Lấy tại điểm xả nước thải sau xử lý trước khi thải ra ngoài môi trường. Tọa độ: 21°10'51,46"N; 106°46'49,68"E.
Phương pháp lấy mẫu	TCVN 5999: 1995; TCVN 6663-1: 2011; TCVN 6663-3: 2016; TCVN 8880: 2011
Ngày lấy mẫu: 05/3/2025	Ngày phân tích: 05 - 19/3/2025

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 40:2011/ BTNMT, cột B	Kết quả	Phương pháp thử
				05/3/25/199/NT ₀₅	
1.	Nhiệt độ	°C	40	16,7	SMEWW 2550B: 2023
2.	Màu	Pt/Co	150	20,66	SMEWW 2120C:2023
3.	pH	-	5,5 đến 9,0	7,1	TCVN 6492: 2011
4.	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50	3,4	TCVN 6001-1:2021
5.	COD	mg/l	150	KPH	SMEWW 5220C: 2023
6.	Chất rắn lơ lửng*	mg/l	100	17	TCVN 6625: 2000
7.	Asen	mg/l	0,1	KPH	SMEWW 3114C: 2023
8.	Thủy ngân	mg/l	0,01	KPH	SMEWW 3112B: 2023
9.	Chì (Pb)	mg/l	0,5	KPH	SMEWW 3113B: 2023
10.	Cadimi (Cd)	mg/l	0,1	KPH	SMEWW 3111B: 2023
11.	Crom (VI)	mg/l	0,1	KPH	SMEWW 3500.Cr.B: 2023
12.	Crom (III)	mg/l	1	0,0041	SMEWW 3111B: 2023 + SMEWW 3500.Cr.B: 2023
13.	Đồng (Cu)	mg/l	2	KPH	SMEWW 3111B: 2023
14.	Kẽm (Zn)	mg/l	3	0,02 LOQ=0,04	SMEWW 3111B: 2023
15.	Niken(Ni)	mg/l	0,5	KPH	SMEWW 3111B: 2023
16.	Mangan	mg/l	1	KPH	SMEWW 3111B: 2023
17.	Sắt (Fe)*	mg/l	5	KPH	TCVN 6177: 1996
18.	Tổng xianua	mg/l	0,1	KPH	SMEWW4500-CN.C&E: 2023
19.	Tổng-phenol	mg/l	0,5	KPH	TCVN 6216: 1996
20.	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10	KPH	SMEWW 5520B&F: 2023
21.	Sunfua*	mg/l	0,5	0,178	SMEWW4500-S ² .B&D: 2023
22.	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	0,111	TCVN 6179-1: 1996
23.	Florua	mg/l	10	KPH	SMEWW 4500F- .B&D:2023

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT.
3. Các thông số có dấu "*" là thông số đã được công nhận theo ISO/IEC 17025: 2017.
4. Quá thời hạn 7 ngày kể từ ngày trả kết quả, Trung tâm quan trắc tài nguyên và môi trường không giải quyết việc khiếu nại.
BM/01 - LBH: 10



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC GIANG
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(VILAS 395 – VIMCERTS 096)

Địa chỉ: Tầng 1, tòa nhà Liên cơ quan các đơn vị hành chính sự nghiệp
Lô T2, đường Quách Nhân, phường Ngô Quyền, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Điện thoại: 0204 3824 760 - Fax: 0204 3540 408 – Email: cembacgiang@gmail.com

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	QCVN 40:2011/ BTNMT, cột B	Kết quả	Phương pháp thử
				05/3/25/199/NT ₀₅	
24.	Tổng Nitơ	mg/l	40	1,12 LOQ=3	TCVN 6638: 2000
25.	Tổng photpho (tính theo P)*	mg/l	6	0,209	TCVN 6202: 2008
26.	Clo dư	mg/l	2	KPH	TCVN 6225-3: 2011
27.	Tổng PCB ^(a)	mg/l	0,01	KPH	US EPA Method 3510C +US EPA Metho 3620C + US EPA Method 8270D
28.	Coliform	MPN/ 100 ml	5.000	33	SMEWW 9221B: 2023

Ghi chú: (-): Không quy định. LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp.

Thông số có ký hiệu ^(a) là thông số được thực hiện phân tích bởi Công ty cổ phần nông nghiệp và môi trường Nguyễn Gia, Vimcerts 251.

QCVN 40: 2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Cột B quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

C: Là giá trị nồng độ của thông số ô nhiễm quy định tại bảng 1 của QCVN 40: 2011/BTNMT.

Tại thời điểm quan trắc, công ty không xả nước thải ra môi trường nên không đo được thông số lưu lượng nước thải.

Bắc Giang, ngày 21 tháng 3 năm 2025

PHÒNG PHÂN TÍCH

Phạm Hương Lựu

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thu Huyền

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc mẫu do khách hàng gửi tới.

2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm QTTN&MT.

3. Các thông số có dấu "*" là thông số đã được công nhận theo ISO/IEC 17025: 2017.

4. Quá thời hạn 7 ngày kể từ ngày trả kết quả, Trung tâm quan trắc tài nguyên và môi trường không giải quyết việc khiếu nại.